

QUYẾT ĐỊNH

V/v quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật giá; Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 5535/TTr-STC ngày 21 tháng 10 năm 2020 và Báo cáo thẩm định số 267/BC-STP ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định quản lý Nhà nước về giá trong lĩnh vực: Định giá nhà nước; đăng ký giá; kê khai giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Các quy định quản lý Nhà nước về giá không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Luật Giá và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Quy định về định giá nhà nước đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Phân công cơ quan chủ trì xây dựng, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phương án giá hàng hóa, dịch vụ trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

a) Sở Y tế: Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước (trừ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế).

b) Sở Giáo dục và Đào tạo: Giá dịch vụ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác do địa phương quản lý.

2. Phân công cơ quan chủ trì, xây dựng, tổng hợp phương án giá hàng hóa, dịch vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

a) Sở Tài chính

- Là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh;

- Chủ trì xây dựng, tổng hợp phương án giá: Hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh; Giá thuê mặt nước; mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; giá nhà để tính lệ phí trước bạ đối với nhà; giá tính thuế tài nguyên;

- Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án giá nước sạch, biểu giá nước sinh hoạt do đơn vị sản xuất, kinh doanh nước sạch xây dựng;

- Thẩm định, có ý kiến về giá đối với phương án giá do các Sở, ngành chủ trì xây dựng, tổng hợp trước khi các Sở, ngành trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì xây dựng, tổng hợp phương án giá: Giá các loại đất trên địa bàn tỉnh; giá thuê đất theo quy định; giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ;

- Giá sản phẩm dịch vụ công và hàng hóa dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường;

- Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

c) Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Chủ trì xây dựng, tổng hợp phương án giá: Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước làm đại diện chủ sở hữu; giá cho thuê tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng thủy lợi đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý;

- Giá sản phẩm dịch vụ công và hàng hóa dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

d) Sở Xây dựng

- Chủ trì xây dựng, tổng hợp phương án giá: Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở; giá dịch vụ nghỉ trang, cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Giá sản phẩm dịch vụ công và hàng hóa dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương thuộc lĩnh vực xây dựng, đô thị.

- Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

đ) Sở Giao thông vận tải

- Chủ trì xây dựng, tổng hợp phương án giá: Giá cước vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá; giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; giá dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; giá dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước do địa phương quản lý; giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, giá dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý; giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; giá cho thuê tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng giao thông đầu tư từ ngân sách nhà nước do địa phương quản lý;

- Giá sản phẩm dịch vụ công và hàng hóa dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương thuộc lĩnh vực giao thông, vận tải.

- Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

e) Sở Công Thương

- Chủ trì xây dựng, tổng hợp phương án giá: Mức trợ cước vận chuyển, giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo; giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tại các chợ trên địa bàn tỉnh;

- Giá sản phẩm dịch vụ công và hàng hóa dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương thuộc lĩnh vực công thương;

- Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

g) Đối với hàng hóa, dịch vụ khác theo lĩnh vực, ngành giao các Sở chuyên ngành chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tổng hợp, xây dựng phương án giá hàng hóa, dịch vụ gửi Sở Tài chính thẩm định, có ý kiến bằng văn bản trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.

Điều 4. Đăng ký giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá

Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá quy định tại Điều 15 của Luật Giá phải thực hiện đăng ký giá gồm:

- Xăng, dầu thành phẩm tiêu thụ nội địa ở nhiệt độ thực tế bao gồm: xăng động cơ (không bao gồm xăng máy bay), dầu hỏa, dầu Diezen, dầu mazut;

- Điện;

- Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);

- Phân đạm, phân NPK;

- Thuốc bảo vệ thực vật bao gồm: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ;

- Vacxin phòng chống bệnh cho gia súc, gia cầm;

- Muối ăn;

- Sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi;

- Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện;

- Thóc, gạo tẻ thường;

- Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật;

2. Trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với các mặt hàng trên, các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá hàng hóa dịch vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ.

3. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá

a) Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này, cụ thể:

- Sở Tài chính tiếp nhận biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ: Xăng, dầu thành phẩm tiêu thụ nội địa ở nhiệt độ thực tế bao gồm: xăng động cơ (không bao gồm xăng máy bay), dầu hỏa, dầu Diezen, dầu mazut; Điện; Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); Phân đạm, phân NPK; Thuốc bảo vệ thực vật bao gồm: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ; Vacxin phòng chống bệnh cho gia súc, gia cầm; Muối ăn; đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện, thóc, gạo tẻ thường;

- Sở Công Thương tiếp nhận biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi;

- Sở Y tế tiếp nhận biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ: Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá của các hộ gia đình, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

4. Cách thức thực hiện đăng ký giá và quy trình tiếp nhận rà soát biểu mẫu đăng ký giá theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá”.

5. Văn bản đăng ký giá thực hiện theo hướng dẫn tại phụ lục số 1 kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

Điều 5. kê khai giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá theo quy định tại Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ, gồm:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này trong thời gian nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá. Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này;

b) Xi măng, thép xây dựng;

c) Than;

d) Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;

đ) Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước;

e) Dịch vụ tại cảng, biển;

g) Dịch vụ chuyên ngành hàng không thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá;

h) Cước vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm;

i) Sách giáo khoa;

k) Dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá;

l) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước;

m) Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi;

n) Thực phẩm chức năng cho trẻ dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Công thương;

o) Etanol nhiên liệu không biến tính; khí tự nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG);

p) Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt;

q) Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành

2. Ngoài các loại hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định của Chính phủ nêu trên, các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện kê khai giá đối với các loại hàng hóa, dịch vụ sau:

a) Giá dịch vụ vận chuyển và lưu trú khách du lịch tham quan vịnh;

b) Giá dịch vụ khai thác cảng, bến tàu du lịch;

c) Giá dịch vụ vận chuyển khách bằng tàu cao tốc;

d) Giá dịch vụ phòng nghỉ khách sạn, nhà nghỉ;

đ) Giá dịch vụ tour du lịch;

e) Giá dịch vụ cáp treo;

g) Giá gạch, ngói, đá làm vật liệu xây dựng;

h) Giá dịch vụ vận chuyển hành khách bằng xe điện;

i) Giá vận chuyển cấp cứu;

k) Giá khẩu trang y tế (trong thời kỳ có dịch bệnh);

l) Giá dung dịch sát khuẩn tay nhanh (trong thời kỳ có dịch bệnh);

m) Giá dịch vụ bốc, xếp dỡ hàng hóa tại các cửa khẩu, lối mở, điểm kiểm tra hàng hóa xuất khẩu trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố quản lý (không bao gồm đơn giá bốc, xếp vật liệu xây dựng: xi măng, sắt, cát, gạch, ngói, đá làm vật liệu xây dựng);

n) Giá dịch vụ cho thuê nhà, mặt bằng kinh doanh của các hộ gia đình, cá nhân;

o) Giá dịch vụ thể thao gồm dù lượn, khinh khí cầu, lặn biển, chèo thuyền vượt ghềnh thác, mô tô nước, lướt ván, dù bay do ca nô kéo, chèo thuyền kayak.

p) Giá dịch vụ Karaoke.

q) Giá một số hàng hóa khác trong lĩnh vực kinh doanh du lịch đặc thù tại địa phương: Trầm hương (gồm thân gỗ chưa chế tác và các sản phẩm đã được chế tác có nguồn gốc từ trầm hương); Trang sức có gắn, đính đá tự nhiên hoặc đá công nghiệp; Đệm gối làm từ cao su; Ngọc trai; Mặt hàng mỹ nghệ làm bằng gỗ và than đá.

3. Thông báo danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá.

- Định kỳ chậm nhất ngày 15 tháng 6 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế và các cơ quan chuyên môn của tỉnh thực hiện rà soát, đề xuất danh sách tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh (các sở quản lý ngành đề xuất danh sách tổ chức; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đề xuất danh sách hộ gia đình, cá nhân) thuộc đối tượng đăng ký giá, kê khai giá tại địa phương theo các lĩnh vực gửi Sở Tài chính tổng hợp.

- Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hàng năm hoặc theo yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh, giao Sở Tài chính căn cứ kết quả rà soát, đề xuất của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thông báo danh mục các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải đăng ký giá, kê khai giá tại địa phương. Căn cứ danh mục thông báo của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành địa phương được phân công tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá thông báo cho các tổ chức, cá nhân phải thực hiện đăng ký giá, kê khai giá thuộc lĩnh vực chuyên ngành, đơn vị mình theo dõi, quản lý.

4. Phân công nhiệm vụ tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá

a) Các sở, ngành tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá của các tổ chức, sản xuất kinh doanh, dịch vụ cụ thể:

- Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm c, d, đ, i, o khoản 1 Điều 5 Quyết định này;

- Sở Công Thương tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm n, q khoản 1 Điều 5 Quyết định này;

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm e, g, h, k, m, p, q khoản 1; điểm b, c, h khoản 2 Điều 5 Quyết định này;

- Sở Y tế tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm l, q khoản 1; điểm i, k, l khoản 2 Điều 5 Quyết định này;

- Sở Xây dựng tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, q khoản 1 và điểm g khoản 2 Điều 5 Quyết định này;

- Sở Du lịch tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm q khoản 1 và điểm d, đ, e, o, q khoản 2 Điều 5 Quyết định này;

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá của các hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn địa phương đối với danh mục hàng hóa quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, q khoản 1 Điều 5 Quyết định này; tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm m, n, p khoản 2 Điều 5 Quyết định này.

Riêng đối với dịch vụ vận chuyển và lưu trú khách du lịch tham quan Vịnh Hạ Long giao Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long tiếp nhận hồ sơ kê khai giá.

c) Hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định về kê khai giá thì các sở chuyên ngành thực hiện theo quy định của pháp luật đó.

4. Cách thức thực hiện và tiếp nhận kê khai giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá”.

6. Văn bản kê khai giá thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

7. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong thực hiện kê khai giá: Theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

Điều 6. Hiệu lực thi hành


1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2020 và thay thế 02 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 13/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2019 “Về việc ban hành Quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh” và số 09/2020/QĐ-UBND ngày 23/03/2020 “V/v sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy

ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./ 

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Quản lý giá – Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp ;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo) ;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Cổng thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TM2.

P30; QĐ 103.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Khăng